

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA VIỆT NAM VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU (EVFTA) VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và các văn kiện có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) về phòng vệ thương mại.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về việc áp dụng biện pháp tự vệ trong giai đoạn chuyển tiếp, biện pháp chống bán phá giá và biện pháp chống trợ cấp để thực thi Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (sau đây gọi là Hiệp định).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam có thẩm quyền điều tra, áp dụng và xử lý biện pháp phòng vệ thương mại để thực thi Hiệp định.

2. Thương nhân Việt Nam, thương nhân của các vùng lãnh thổ EU và khu vực thuộc lãnh thổ hải quan của EU, các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khác có liên quan đến điều tra, áp dụng và xử lý biện pháp phòng vệ thương mại để thực thi Hiệp định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Theo quy định tại Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hiệp định là Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU).

2. Nước thành viên là lãnh thổ Việt Nam hoặc các vùng lãnh thổ EU và khu vực thuộc lãnh thổ hải quan của EU.

3. Hàng hóa tương tự là hàng hóa có tất cả các đặc tính giống với hàng hóa bị điều tra. Trong trường hợp không có hàng hóa nào như vậy thì hàng hóa tương tự là hàng hóa có nhiều đặc tính cơ bản giống với hàng hóa bị điều tra.

4. Hàng hóa cạnh tranh trực tiếp là hàng hóa có khả năng được người mua chấp nhận thay thế cho hàng hóa thuộc phạm vi áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại do ưu thế về giá và mục đích sử dụng.

5. Biện pháp tự vệ trong giai đoạn chuyển tiếp (sau đây gọi là biện pháp tự vệ chuyển tiếp) là biện pháp được quy định tại Điều 3.10 Chương 3 của Hiệp định và Điều 99 Luật Quản lý ngoại thương.

6. Giai đoạn chuyển tiếp là giai đoạn từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030.

7. Ngành sản xuất trong nước trong điều tra áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp là tập hợp các nhà sản xuất hàng hóa tương tự hoặc cạnh tranh trực tiếp trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam hoặc đại diện của họ chiếm tỷ lệ chủ yếu trong tổng sản lượng hàng hóa của ngành đó được sản xuất trong nước.

8. Cơ quan điều tra là Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương.

Điều 4. Xem xét lợi ích công cộng

1. Trong quá trình điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp theo Hiệp định, dựa trên các thông tin sẵn có [trong phạm vi nguồn lực của cơ quan điều tra], nếu Cơ quan điều tra có kết luận rằng áp dụng biện pháp

chống bán phá giá, chống trợ cấp hoàn toàn không phù hợp với lợi ích công cộng thì không được áp dụng biện pháp đó.

2. Khi đánh giá lợi ích công cộng, Cơ quan điều tra sẽ xem xét tình hình của ngành sản xuất trong nước, các nhà nhập khẩu, hiệp hội đại diện các nhà nhập khẩu, người sử dụng đại diện, các tổ chức đại diện cho người tiêu dùng dựa trên các thông tin có liên quan do các bên cung cấp cho Cơ quan điều tra.

Điều 5. Quy tắc thuế suất thấp hơn

1. Thuế chống bán phá giá hoặc thuế chống trợ cấp sẽ không cao hơn biên độ phá giá hoặc biên độ trợ cấp.

2. Bộ Công Thương sẽ nỗ lực để các mức thuế quy định tại khoản 1 Điều này thấp hơn biên độ phá giá hoặc biên độ trợ cấp nếu mức thuế thấp hơn này đủ để loại bỏ thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước.

Chương II

BIỆN PHÁP TỰ VỆ CHUYỂN TIẾP

Điều 6. Nguyên tắc áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp

Tại cùng một thời điểm, không áp dụng đồng thời biện pháp tự vệ chuyển tiếp và biện pháp tự vệ theo quy định tại Luật Quản lý ngoại thương đối với cùng một hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ EU nhập khẩu vào Việt Nam.

Điều 7. Quy định về thông tin trong Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp

1. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp (trong Chương này gọi là Hồ sơ yêu cầu) gồm Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp và các giấy tờ, tài liệu có liên quan theo quy định tại Điều 47 Nghị định 10/2018/NĐ-CP.

2. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định 10/2018/NĐ-CP phải đáp ứng bổ sung các nội dung cụ thể sau đây:

a) Thông tin mô tả về hàng hóa nhập khẩu theo điểm d Khoản 2 Điều 47 Nghị định 10/2018/NĐ-CP là thông tin về hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ EU nhập khẩu vào Việt Nam. Trong đó, thông tin về mã hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt phải căn cứ theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định EVFTA.

b) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa nhập khẩu bị điều tra theo điểm e Khoản 2 Điều 47 Nghị định 10/2018/NĐ-CP trong thời kỳ 03 năm trước khi nộp Hồ sơ yêu cầu và đã bao gồm ít nhất có 06 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực;

c) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp của ngành sản xuất trong nước quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 47 Nghị định 10/2018/NĐ-CP trong thời kỳ 03 năm trước khi nộp Hồ sơ yêu cầu và đã bao gồm ít nhất có 06 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp ngành sản xuất trong nước hoạt động ít hơn 03 năm, dữ liệu thu thập là toàn bộ thời gian hoạt động của ngành sản xuất trong nước tính đến thời điểm nộp hồ sơ yêu cầu;

d) Thông tin về giai đoạn chuyển tiếp của hàng hóa nhập khẩu bị yêu cầu điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp.

Điều 8. Thông báo

Cơ quan điều tra sẽ thông báo bằng văn bản cho phía EU về việc khởi xướng điều tra biện pháp tự vệ chuyển tiếp và tham vấn với phía EU theo đúng quy định trong Hiệp định.

Điều 9. Điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp

1. Thời hạn điều tra áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp là 01 năm kể từ ngày Quyết định khởi xướng điều tra được ban hành.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định về việc áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp khi kết luận điều tra của Cơ quan điều tra có các nội dung sau đây:

a) Có sự gia tăng nhập khẩu tuyệt đối hoặc tương đối so với khối lượng, số lượng sản xuất trong nước của hàng hoá nhập khẩu bị điều tra từ EU do kết quả của việc giảm thuế hoặc xóa bỏ thuế của hàng hóa đó theo Hiệp định;

b) Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại nghiêm trọng hoặc bị đe dọa chịu thiệt hại nghiêm trọng;

c) Việc gia tăng nhập khẩu quy định tại điểm a khoản này là nguyên nhân gây ra thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước.

3. Biện pháp tự vệ chuyển tiếp được áp dụng gồm:

a) Đình chỉ việc tiếp tục giảm thuế suất theo quy định của Hiệp định đối với hàng hóa bị điều tra như quy định tại Phụ lục 2-A (Xoá bỏ thuế hải quan) của Hiệp định;

b) Tăng thuế suất đối với hàng hóa đó nhưng không vượt quá thuế suất ưu đãi có hiệu lực tại thời điểm áp dụng biện pháp này hoặc thuế suất cơ sở quy định tại các biểu thuế tại Phụ lục 2-A (Xoá bỏ thuế hải quan) theo Điều 2.7 (Giảm hoặc xoá bỏ thuế hải quan với hàng nhập khẩu) của Hiệp định, tùy mức thuế suất nào thấp hơn.

4. Thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp không được vượt quá 02 năm. Trong trường hợp Cơ quan điều tra kết luận rằng cần tiếp tục áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp để ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và tạo thuận lợi cho việc điều chỉnh của ngành sản xuất trong nước, thời hạn áp dụng có thể kéo dài thêm tối đa 02 năm.

5. Trong trường hợp biện pháp tự vệ chuyển tiếp dài hơn 02 năm, biện pháp tự vệ chuyển tiếp phải được nới lỏng dần đều trong suốt quá trình áp dụng biện pháp.

6. Sau khi hết thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp, mức thuế nhập khẩu áp dụng cho hàng hóa liên quan thực hiện theo Biểu cam kết trong Phụ lục 2-A của Hiệp định có hiệu lực tại thời điểm chấm dứt áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp đó.

Điều 11. Bên liên quan trong vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp

1. Bên liên quan trong vụ việc điều tra biện pháp tự vệ chuyển tiếp gồm:

a) Tổ chức, cá nhân của EU sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị điều tra vào lãnh thổ Việt Nam;

b) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa bị điều tra;

c) [Hiệp hội của EU] [hoặc các nước thành viên EU] có đa số thành viên là các tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị điều tra;

d) Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền của EU xuất khẩu hàng hóa bị điều tra;

đ) Tổ chức, cá nhân có hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp;

e) Tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp;

g) Hiệp hội trong nước của Việt Nam có đa số thành viên là các tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp;

h) Tổ chức, cá nhân khác có quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến điều tra hoặc có thể giúp ích cho quá trình điều tra hoặc tổ chức đại diện bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Tổ chức, cá nhân phải đăng ký và được Cơ quan điều tra chấp thuận để trở thành bên liên quan trong vụ việc điều tra phù hợp với quy định của Luật Quản lý ngoại thương về thủ tục đăng ký.

3. Bên liên quan trong vụ việc điều tra được tiếp cận thông tin, tài liệu mà bên liên quan khác đã cung cấp cho Cơ quan điều tra theo quy định tại khoản 2 Điều 75 của Luật Quản lý ngoại thương và Điều 11 của Nghị định số 10/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.
2. Thông tư này có hiệu lực thi hành đối với hàng hóa có xuất xứ từ Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len kể từ khi Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Tổng bí thư, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Viện KSND tối cao, Tòa án ND tối cao;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Bộ Công Thương: các Thứ trưởng, các Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PVTM (05).

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh